

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Chinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- ## 2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Hoàng Trúc Ly - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh
tham gia phiên tòa: Bà Lê Ngọc Thanh Trúc – Kiểm sát viên.***

Ngày 19 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 92/2025/TLST-KDTM ngày 20 tháng 10 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 260/2026/QĐXXST-KDTM ngày 02 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 176/2026/QĐST-KDTM ngày 23 tháng 4 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh, giữa:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần T

Trụ sở chính: Tòa nhà T1, số E phố L, phường C, Thành phố Hà Nội

Người đại diện theo ủy quyền:

- Bà Nguyễn Hoài P, sinh ngày 21/4/1991 (xin vắng mặt).

Căn cước số: 052191004526, cấp ngày: 24/4/2023, tại: Cục CI về TTXH.

- Ông Nguyễn Thành C, sinh ngày 16/5/2002 (xin vắng mặt).

Căn cước số: 079202008106, cấp ngày: 26/12/2021, tại: Cục C1 về TTXH

Cùng địa chỉ liên lạc: Tầng B, số A N, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh

(Văn bản ủy quyền ngày 15/5/2026).

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần P1.

Địa chỉ trụ sở chính: số D C nội dài, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật:

Ông Cao Thanh L, sinh ngày 03/4/1976 (vắng mặt).

Căn cước số: 093076000114, cấp ngày: 03/9/2024, tại: **Bộ C2**.

Địa chỉ: **số A N, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh**.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông **Cao Thanh L**, sinh ngày 03/4/1976 (vắng mặt).

Căn cước số: 093076000114, cấp ngày: 03/9/2024, tại: **Bộ C2**.

Địa chỉ: **số A N, phường C, TP .**

3.2. Bà **Nguyễn Thị Hồng N**, sinh ngày 20/9/1981 (xin vắng mặt).

Căn cước số: 079181005643, cấp ngày: 12/8/2022, tại **Cục C1** về TTXH.

Địa chỉ: **số C Đ, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*[1] Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn **Ngân hàng TMCP T (T1)** ngày 17/9/2025 cùng bản khai trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:*

* **Ngân hàng TMCP T – Chi nhánh S** có ký kết với **Công ty Cổ phần P1** Hợp đồng cho vay số: 287/2017/HDTD/TTB MN5/02 ký ngày 05/10/2017 với nội dung vay số tiền 1.395.000.000 đồng. Mục đích vay mua xe ô tô phục vụ mục đích đi lại của Công ty, thời hạn vay 84 tháng tính từ ngày tiếp theo của ngày bên Ngân hàng giải ngân vốn vay đầu tiên cho bên vay (ngày 05/10/2017), lãi suất vay linh hoạt, được quy định cụ thể tại từng văn bản nhận nợ của khách hàng. Tài sản bảo đảm cho khoản vay trên là xe ô tô hiệu MERCEDES-BENZ GLC250; màu sắc đen; số khung RLM0G4GX6HV002664; số máy 27492031055143; biển kiểm soát 51F-863.36; giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 311466 do **Công an Thành phố H** cấp ngày 04/10/2017 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 287/2017/HDBD/TTB MN5/02 ngày 05/10/2017. Dư nợ thực tế tạm tính đến hết ngày 19/5/2026 tổng nợ là: 2.144.376.568 đồng, trong đó, nợ gốc: 994.447.037 đồng, nợ lãi trong hạn: 266.539.285 đồng, lãi quá hạn: 671.635.668 đồng, lãi chậm trả: 211.754.578 đồng.

* **Ngân hàng TMCP T – Chi nhánh B** có ký kết với **Công ty Cổ phần P1** chung về cung cấp và sử dụng tín dụng tại **T1** mã số 001 ngày 21/11/2018, Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số: 669/2018/HDTD/TTB MN3/01 ký ngày 21/11/2018 với nội dung: giá trị hạn mức tín dụng 2.000.000.000 đồng. Mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh, thời hạn sử dụng hạn mức 12 tháng (thời hạn tối đa của 01 khế ước là 06 tháng), lãi suất linh hoạt, được quy định cụ thể tại từng văn bản nhận nợ của khách hàng. Dư nợ thực tế tạm tính đến hết ngày 19/5/2026 tổng nợ là: 4.990.906.904 đồng, trong đó, nợ gốc: 2.000.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 74.449.254 đồng, lãi quá hạn: 2.872.129.986 đồng, lãi chậm trả: 44.327.664 đồng.

Ngày 21/11/2018, ông **Cao Thanh L** và bà **Nguyễn Thị Hồng N** đã ký và gửi cho Ngân hàng văn bản “Cam kết trả nợ thay”. Theo nội dung trong bản cam kết này thì trong trường hợp **Công ty TNHH P1** (nay là **Công ty Cổ phần P1**) không thanh toán được nợ gốc và/hoặc nợ lãi Hợp đồng tín dụng đã ký kết với

Ngân hàng vì bất kì lý do gì thì ông **Cao Thanh L** và bà **Nguyễn Thị Hồng N** sẽ chịu trách nhiệm trả thay toàn bộ khoản nợ của **Công ty Cổ phần P1** (Chi tiết theo Văn bản “Cam kết trả nợ thay” ngày 21/11/2018).

Quá trình thực hiện hợp đồng (tạm tính đến ngày 08/7/2025), **Công ty Cổ phần P1** đã trả cho Ngân hàng được tổng số tiền là 819.383.778 đồng (trong đó, nợ gốc đã trả 400.552.963 đồng, nợ lãi đã trả 418.830.815 đồng). Cụ thể:

- Hợp đồng cho vay số 287/2017/HDTD/TTB MN5/02 ngày 05/10/2017, nợ gốc đã trả 400.552.963 đồng, nợ lãi đã trả 333.718.424 đồng, tổng nợ đã trả 734.271.387 đồng.

- Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 669/2018/HDTD/TTB MN3/01 ký ngày 21/11/2018, nợ gốc đã trả 0 đồng, nợ lãi đã trả 85.112.391 đồng, tổng nợ đã trả 85.112.391 đồng.

Trong thời gian qua, **Công ty Cổ phần P1**, ông **Cao Thanh L** và bà **Nguyễn Thị Hồng N** không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng đúng theo thỏa thuận. Nay phía nguyên đơn Ngân hàng yêu cầu cụ thể như sau:

1. Buộc **Công ty Cổ phần P1** thanh toán cho **Ngân hàng TMCP T** tổng số tiền tạm tính đến ngày 19/05/2026 là: 7.135.283.472 đồng, trong đó: nợ gốc: 2.994.447.037 đồng; nợ lãi trong hạn: 340.988.539 đồng; nợ lãi quá hạn: 3.543.765.654 đồng và lãi chậm trả (*bằng 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, áp dụng khi khách hàng không trả đúng hạn tiền lãi theo quy định tại hợp đồng cấp tín dụng*): 256.082.242 đồng. Cụ thể, Hợp đồng cho vay số 287/2017/HDTD/TTB MN5/02 ngày 05/10/2017, tổng nợ là: 2.144.376.568 đồng, trong đó, nợ gốc: 994.447.037 đồng, nợ lãi trong hạn: 266.539.285 đồng, lãi quá hạn: 671.635.668 đồng, lãi chậm trả: 211.754.578 đồng và Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 669/2018/HDTD/TTB MN3/01 ngày 21/11/2018, tổng nợ là: 4.990.906.904 đồng, trong đó, nợ gốc: 2.000.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 74.449.254 đồng, lãi quá hạn: 2.872.129.986 đồng, lãi chậm trả : 44.327.664 đồng.

2. Buộc **Công ty Cổ phần P1**, tiếp tục phải trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 20/05/2026 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số 287/2017/HDTD/TTB MN5/02 ngày 05/10/2017; Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 669/2018/HDTD/TTB MN3/01 ngày 21/11/2018 được ký giữa **T1** và **Công ty Trách nhiệm hữu hạn P1** (nay là **Công ty Cổ phần P1**).

3. Trường hợp, **Công ty Cổ phần P1** không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền tiến hành kê biên và phát mãi tài sản bảo đảm là: Xe ô tô hiệu MERCEDES-BENZ GLC 250; Màu sắc: Đen; Số khung: RLM0G4GX6HV002664; Số máy: 27492031055143; Biển kiểm soát: 51F - 863.36; Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 311466 do **Công an Thành phố H** cấp ngày 04/10/2017 và các tài sản khác thuộc sở hữu của **Công ty**

Cổ Phần P1 để thu hồi nợ cho Ngân hàng. Trường hợp **Công ty Cổ phần P1** không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 669/2018/HDTD/TTBMN3/01 ngày 21/11/2018 thì ông **Cao Thanh L**, bà **Nguyễn Thị Hồng N** có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho **Công ty Cổ phần P1** theo cam kết đã ký với Ngân hàng tại Văn bản cam kết bảo lãnh ngày 21/11/2018 cho đến khi hết số nợ còn lại.

Yêu cầu **Công ty Cổ phần P1** chịu án phí và chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 5.000.000 đồng.

Ngoài ra phía nguyên đơn **Ngân hàng TMCP T** không còn ý kiến, yêu cầu gì khác.

[2] Bị đơn **Công ty Cổ phần P1** có ông **Cao Thanh L** đại diện theo pháp luật có văn bản trình bày:

Thông nhất với ý kiến nguyên đơn về việc các bên có ký kết Hợp đồng cho vay, Hợp đồng tín dụng và số tiền hiện còn nợ. Về tài sản bảo đảm, bị đơn đồng ý phát mãi tài sản. Về khoản nợ xin được trả dần vì Công ty đã tạm ngưng kinh doanh từ năm 2022, chưa đăng ký giải thể do hoàn cảnh khó khăn, nên bị đơn xin đề nghị cho thời gian để sắp xếp công việc.

Ngoài ra phía bị đơn không còn ý kiến, yêu cầu nào khác.

[3] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **Cao Thanh L** và bà **Nguyễn Thị Hồng N** có văn bản trình bày:

Xác nhận có ký kết các Hợp đồng vay nợ và số nợ còn thiếu cũng như văn bản cam kết trả nợ thay ngày 21/11/2018. Xin trả dần số nợ.

Ngoài ra người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **L**, bà **N** không có ý kiến, yêu cầu nào khác.

[4] Phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải:

Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Do bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành phiên hòa giải mà Tòa án Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

[5] Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn **Ngân hàng TMCP T** vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.
- Bị đơn **Công ty Cổ phần P1** có ông **Cao Thanh L** đại diện theo pháp luật vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai.
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **L** vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai.
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **N** có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử lần thứ hai.

[6] Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- *Về thủ tục tố tụng*: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, ra Thông báo thụ lý vụ án đúng pháp luật, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp. Thẩm phán ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn. Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng những quy định về thủ tục tố tụng.

- *Về nội dung*: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Ngân hàng TMCP T** là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng và quan điểm phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ngân hàng TMCP T khởi kiện **Công ty Cổ phần P1** để yêu cầu thanh toán số nợ còn thiếu trong các Hợp đồng cho vay và Hợp đồng tín dụng mà đôi bên đã ký kết với nhau và **Công ty Cổ phần P1** có địa chỉ trụ sở tại địa bàn do Tòa án nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh được phân cấp quản lý, nên đây là tranh chấp về kinh doanh thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh theo như quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 1, 5 và Điều 6 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2025.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng của các đương sự:

Ngân hàng TMCP T khởi kiện **Công ty Cổ phần P1** để yêu cầu thanh toán số nợ còn thiếu trong Hợp đồng cho vay và Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết với nhau, nên **Ngân hàng TMCP T** tham gia tố tụng với tư cách nguyên đơn. **Công ty Cổ phần P1** tham gia tố tụng với tư cách bị đơn. Bên liên quan đến bị đơn như ông **Cao Thanh L** và bà **Nguyễn Thị Hồng N** tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp với quy định tại Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về người đại diện tham gia tố tụng:

Văn bản ủy quyền ngày 15/5/2025 của **Ngân hàng TMCP T** ủy quyền cho bà **Nguyễn Hoài P** hoặc ông **Nguyễn Thành C** đại diện tham gia tố tụng là hợp lệ, được Tòa án chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 86 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng:

- Nguyên đơn **Ngân hàng TMCP T** có bà **Nguyễn Hoài P**, ông **Nguyễn Thành C** đại diện theo ủy quyền có đơn xin vắng mặt hợp lệ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Bị đơn **Công ty Cổ phần P1** có ông **Cao Thanh L** đại diện theo pháp luật và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **Cao Thanh L** có đơn nộp đến Tòa án đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nhưng không rõ người nộp và đơn không có xác nhận chữ ký nên không hợp lệ, không có cơ sở xác định có phải đơn của ông **L** hay không, do vậy Tòa án vẫn tiến hành thủ tục tổng đạt/nhiệm yết hợp lệ theo thủ tục chung.

- Bị đơn **Công ty Cổ phần P1** có ông **Cao Thanh L** đại diện theo pháp luật và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **Cao Thanh L** tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ 2 không có lý do chính đáng, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt.

- Tại phiên tòa xét xử đến lần thứ 2, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Nguyễn Thị Hồng N** có đơn xin vắng mặt hợp lệ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

*[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Ngân hàng TMCP T**:*

Căn cứ vào Hợp đồng cho vay số 287/2017/HDTD/TTB MN5/02 ngày 05/10/2017, Thỏa thuận chung về cung cấp và sử dụng tín dụng tại **T1** mã số 001 ngày 21/11/2018 và Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 669/2018/HDTD/TTB MN3/01 ngày 21/11/2018 cùng lời khai trình bày xác nhận của các bên cũng như của nguyên đơn **Ngân hàng TMCP T** có đủ cơ sở xác định giữa nguyên đơn **Ngân hàng TMCP T** và bị đơn **Công ty Cổ phần P1** có ký kết với nhau các Hợp đồng cho vay và Hợp đồng tín dụng và bị đơn **Công ty Cổ phần P1** đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Nay nguyên đơn **Ngân hàng TMCP T** yêu cầu bị đơn **Công ty Cổ phần P1** thanh toán ngay số nợ còn thiếu phát sinh theo Hợp đồng cho vay và Hợp đồng tín dụng tính đến hết ngày 19/5/2026 tổng cộng là: 7.135.283.472 (bảy tỉ, một trăm ba mươi lăm triệu, hai trăm tám mươi ba nghìn, bốn trăm bảy mươi hai) đồng, trong đó, nợ gốc: 2.994.447.037 (hai tỉ, chín trăm chín mươi bốn triệu, bốn trăm bốn mươi bảy nghìn, không trăm ba mươi bảy) đồng; nợ lãi trong hạn: 340.988.539 (ba trăm bốn mươi triệu, chín trăm tám mươi tám nghìn, năm trăm ba mươi chín) đồng; nợ lãi quá hạn 3.543.765.654 (ba tỉ, năm trăm bốn mươi ba triệu, bảy trăm sáu mươi lăm nghìn, sáu trăm năm mươi bốn) đồng và lãi chậm trả: 256.082.242 (hai trăm năm mươi sáu triệu, không trăm tám mươi hai nghìn, hai trăm bốn mươi hai) đồng cùng tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng cho vay số 287/2017/HDTD/TTB MN5/02 ngày 05/10/2017 và Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 669/2018/HDTD/TTB MN3/01 ngày 21/11/2018 được tính tiếp theo từ ngày 20/5/2026 cho đến khi trả xong nợ (Trong đó: Hợp đồng cho vay số

287/2017/HDTD/TTB MN5/02 ngày 05/10/2017, tổng nợ là: 2.144.376.568 đồng, trong đó, nợ gốc: 994.447.037 đồng, nợ lãi trong hạn: 266.539.285 đồng, lãi quá hạn: 671.635.668 đồng, lãi chậm trả: 211.754.578 đồng; Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 669/2018/HDTD/TTB MN3/01 ngày 21/11/2018, tổng nợ là: 4.990.906.904 đồng, trong đó, nợ gốc: 2.000.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 74.449.254 đồng, lãi quá hạn: 2.872.129.986 đồng, lãi chậm trả: 44.327.664 đồng).

Trường hợp bị đơn Công ty Cổ phần P1 không thanh toán theo yêu cầu nêu trên, thì phía nguyên đơn Ngân hàng TMCP T được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ đối với Xe ô tô hiệu MERCEDES-BENZ GLC 250; Màu sắc: Đen; Số khung: RLM0G4GX6HV002664; Số máy: 27492031055143; Biển kiểm soát: 51F - 863.36; Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 311466 do Công an Thành phố H cấp ngày 04/10/2017 theo Hợp đồng thế chấp tài sản ngày 05/10/2017 giữa bên thế chấp là Công ty Cổ phần P1 và bên nhận thế chấp là Ngân hàng TMCP T.

Số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của bị đơn Công ty Cổ phần P1 đối với nguyên đơn Ngân hàng TMCP T. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ thanh toán hết nợ thì bị đơn Công ty Cổ phần P1 phải tiếp tục thanh toán số nợ còn lại cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP T.

Trường hợp bị đơn Công ty Cổ phần P1 thanh toán xong nợ, phía nguyên đơn Ngân hàng TMCP T không yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp thì nguyên đơn Ngân hàng TMCP T có trách nhiệm giải chấp, hoàn trả bản chính các giấy tờ liên quan đến tài sản thế chấp cho người đã thế chấp như Hợp đồng thế chấp mà đôi bên đã ký kết với nhau.

Trường hợp Công ty Cổ phần P1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 669/2018/HDTD/TTB MN3/01 ngày 21/11/2018 thì ông Cao Thanh L, bà Nguyễn Thị Hồng N có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty Cổ phần P1 theo cam kết đã ký với nguyên đơn Ngân hàng TMCP T tại Văn bản cam kết trả nợ thay ngày 21/11/2018 cho đến khi trả hết số nợ còn lại.

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: 5.000.000 (năm triệu) đồng bị đơn Công ty Cổ phần P1 chịu, có trách nhiệm hoàn trả lại cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP T nhận.

Yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP T là có cơ sở đúng với thỏa thuận của các bên tại hợp đồng và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về phía bị đơn Công ty Cổ phần P1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ đã được các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay và Hợp đồng tín dụng mặc dù đã được thông báo, nhắc trả nợ nhiều lần nhưng không thực hiện. Nay phía Công ty Cổ

phần P1 xin được trả dần số nợ vì cho rằng phía Công ty Cổ phần P1 đã tạm ngưng kinh doanh từ năm 2022, chưa đăng ký giải thể do làm ăn khó khăn.

Về phía những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Cao Thanh L đồng ý thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trả nợ thay theo Văn bản “Cam kết trả nợ thay” ngày 21/11/2018. Bà Nguyễn Thị Hồng N đồng ý yêu cầu của nguyên đơn, không có ý kiến khác về khoản nợ của Công ty Cổ phần P1, cũng như tài sản thế chấp, nên không có gì để Hội đồng xét xử xem xét.

[6] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ:

Phía nguyên đơn tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ đối với xe ô tô đã thế chấp vay nợ là 5.000.000 đồng. Phía nguyên đơn yêu cầu bị đơn Công ty Cổ phần P1 hoàn trả lại là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận buộc bị đơn Công ty Cổ phần P1 có trách nhiệm hoàn trả lại cho nguyên đơn Ngân hàng.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP T được Tòa án chấp nhận, nên bị đơn Công ty Cổ phần P1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 3; Điều 6 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 271 và khoản 1, khoản 3 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2025;

Căn cứ vào 320; 321; 322; 323; 357; 463; 466; 468 và Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào Điều 1; Điều 5 và Điều 6 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân;

Căn cứ vào Điều 3; Điều 6 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP T;

1.1. Buộc bị đơn Công ty Cổ phần P1 trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP T số tiền vốn lãi tính đến hết ngày 19/5/2026 tổng cộng là: 7.135.283.472 (bảy tỉ, một trăm ba mươi lăm triệu, hai trăm tám mươi ba nghìn, bốn trăm bảy mươi hai) đồng, {trong đó: nợ gốc 2.994.447.037 (hai tỉ, chín trăm chín mươi bốn triệu, bốn trăm bốn mươi bảy nghìn, không trăm ba mươi bảy) đồng; nợ lãi trong hạn 340.988.539 (ba trăm bốn mươi triệu, chín trăm tám mươi tám nghìn, năm trăm ba mươi chín) đồng; nợ lãi quá hạn 3.543.765.654 (ba tỉ, năm trăm bốn mươi ba triệu, bảy trăm sáu mươi lăm nghìn, sáu trăm năm mươi bốn) đồng và lãi chậm trả 256.082.242 (hai trăm năm mươi sáu triệu, không trăm tám mươi hai nghìn, hai trăm bốn mươi hai) đồng} cùng tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng cho vay số 287/2017/HDTD/TTB MN5/02 ngày 05/10/2017 và Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 669/2018/HDTD/TTB MN3/01 ngày 21/11/2018 được tính tiếp theo từ ngày 20/5/2026 cho đến khi trả xong nợ (Trong đó: Hợp đồng cho vay số 287/2017/HDTD/TTB MN5/02 ngày 05/10/2017, tổng nợ là: 2.144.376.568 đồng, trong đó, nợ gốc: 994.447.037 đồng, nợ lãi trong hạn: 266.539.285 đồng, lãi quá hạn: 671.635.668 đồng, lãi chậm trả: 211.754.578 đồng; Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 669/2018/HDTD/TTB MN3/01 ngày 21/11/2018, tổng nợ là: 4.990.906.904 đồng, trong đó: nợ gốc 2.000.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 74.449.254 đồng, lãi quá hạn 2.872.129.986 đồng, lãi chậm trả 44.327.664 đồng).

1.2. Trường hợp bị đơn Công ty Cổ phần P1 không thanh toán theo yêu cầu nêu trên, thì phía nguyên đơn Ngân hàng TMCP T được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ đối với Xe ô tô hiệu MERCEDES-BENZ GLC 250; Màu sắc: Đen; Số khung: RLM0G4GX6HV002664; Số máy: 27492031055143; Biển kiểm soát: 51F - 863.36; Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 311466 do Công an Thành phố H cấp ngày 04/10/2017 theo Hợp đồng thế chấp tài sản ngày 05/10/2017 giữa bên thế chấp là Công ty Cổ phần P1 và bên nhận thế chấp là Ngân hàng TMCP T.

Số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của bị đơn Công ty Cổ phần P1 đối với nguyên đơn Ngân hàng TMCP T. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ thanh toán hết nợ thì bị đơn Công ty Cổ phần P1 phải tiếp tục thanh toán số nợ còn lại cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP T.

1.3. Trường hợp bị đơn Công ty Cổ phần P1 thanh toán xong nợ, phía nguyên đơn Ngân hàng TMCP T không yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp thì nguyên đơn Ngân hàng TMCP T có trách nhiệm giải chấp, hoàn trả bản chính các giấy tờ liên quan đến tài sản thế chấp cho người đã thế chấp như Hợp đồng thế chấp mà đôi bên đã ký kết với nhau.

1.4. Trường hợp Công ty Cổ phần P1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 669/2018/HDTD/TTB MN3/01 ngày 21/11/2018 thì ông Cao Thanh L, bà Nguyễn Thị Hồng N có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty

Cổ phần P1 theo cam kết đã ký với nguyên đơn **Ngân hàng TMCP T** tại Văn bản cam kết trả nợ thay ngày 21/11/2018 cho đến khi trả hết số nợ còn lại.

2. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: 5.000.000 (*năm triệu*) đồng bị đơn **Công ty Cổ phần P1** chịu, có trách nhiệm hoàn trả lại cho nguyên đơn **Ngân hàng TMCP T** nhận.

3. Án phí dân sự sơ thẩm về kinh doanh thương mại:

3.1. Bị đơn **Công ty Cổ phần P1** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 115.135.283 (*một trăm mười lăm triệu, một trăm ba mươi lăm nghìn, hai trăm tám mươi ba*) đồng.

3.2. Nguyên đơn **Ngân hàng TMCP T** không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. **H** lại cho nguyên đơn **Ngân hàng TMCP T** số tiền tạm ứng án phí 57.268.619 (*năm mươi bảy triệu, hai trăm sáu mươi tám nghìn, sáu trăm mười chín*) đồng đã tạm nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0026452, ký hiệu BLTU/25E ngày 14/10/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm của Tòa án cấp sơ thẩm để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm. Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với các đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND KV4 - TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tấn Chinh